
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN

AMD GROUP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2017



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN AMD GROUP

Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2017

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
Báo cáo tài chính hợp nhất	6 - 38
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>	<i>6 - 9</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	<i>10 - 11</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</i>	<i>12 - 13</i>
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất</i>	<i>14 - 33</i>

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng Sản AMD GROUP (tiền thân là Công ty Cổ phần FIKOR Việt Nam) được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102370070 cấp lần đầu tiên bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội ngày 20 tháng 9 năm 2007.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp bổ sung 17 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về việc thay đổi tên Công ty, vốn chủ sở hữu, ngành nghề kinh doanh và người đại diện theo pháp luật. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 17 số 0102370070 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 04 tháng 7 năm 2017 về việc thay đổi vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 17: 648.783.940.000 đồng.

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Điện thoại : 042.3292 9222
Fax : 042.3291 9222
Mã số thuế : 0 1 0 2 3 7 0 0 7 0

Các công ty con và công ty liên kết

Công ty Con

Tên đơn vị	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu(%)
Viện Quản lý và Phát triển Châu á	Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội	59,48%
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đông Sơn	Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội	99,50%
Công ty Cổ phần AMD Smart	Số 15-BT1 Khu nhà ở Cầu Diễn, P.Cầu Diễn, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội	98,00%
Công ty Cổ phần AMD Khoáng Sản	Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội	80,00%

CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN AMD GROUP
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Công ty Liên kết

Tên đơn vị	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần Decohouse	Khu phố 03 Đồi, Thị trấn Yên Lạc, H.Yên Lạc, T.Vĩnh Phúc	40,00%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Pháp Việt	Tầng 3, Tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ - Phường Mỹ Đình 2 - Quận Nam Từ Liêm - Hà Nội.	44,77%
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Việt Bỉ	Tầng 3, Tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ - Phường Mỹ Đình 2 - Quận Nam Từ Liêm - Hà Nội.	34,83%
Công ty Cổ phần Đầu tư VIP ROYAL	Số 1, ngách 1/10 ngõ 1 phố Trần Quốc Hoàn, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội	36,00%

Hoạt động kinh doanh chính trong năm

- Khai thác và chế biến khoáng sản;
- Kinh doanh Bất động sản;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán lẻ trong siêu thị trung tâm thương mại;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Nghiên cứu và Phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Nghiên cứu và Phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn;
- Giáo dục mầm non;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục./.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 38).

Sự kiện quan trọng phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 09 năm 2017 cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN AMD GROUP
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Tiến Đức	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2017
Bà Vũ Đặng Hải Yến	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2017
Ông Nguyễn Thiện Phú	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2017
Ông Lê Quý Hiền	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2017
Bà Võ Thị Thùy Dương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2017

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Trần Thị Tố Dung	Trưởng ban Kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Thu Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2017
Bà Hoàng Thị Thu Hằng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2017

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2017
Ông Ngô Công Chính	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Trần Thị Thúy Liễu	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 10 năm 2017

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 năm 2017 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 năm 2017 dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 năm 2017; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phân tích tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 năm 2017 được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN AMD GROUP
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tiến Dũng

Ngày 19 tháng 10 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Đơn vị tính: VND Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		710,706,010,335	840,849,373,369
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	26,166,192,746	61,167,446,711
1. Tiền	111		20,466,192,746	61,167,446,711
2. Các khoản tương đương tiền	112		5,700,000,000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4,788,515,663	2,748,248,663
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	4,788,515,663	2,748,248,663
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		595,262,018,952	621,651,316,829
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	251,003,382,380	263,160,859,712
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	118,556,422,261	193,567,573,715
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HDXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	71,759,666,236	38,950,000,000
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.06a	153,942,548,075	126,266,883,402
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	(294,000,000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	76,387,903,771	145,061,479,084
1. Hàng tồn kho	141		76,387,903,771	145,061,479,084
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8,101,379,203	10,220,882,082
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	1,331,256,396	1,133,236,345
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6,768,122,807	9,087,645,737
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		2,000,000	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		536,558,989,181	460,353,478,804
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	V.06b	62,000,000,000	62,778,601,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh của các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		62,000,000,000	62,778,601,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017
(Tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Đơn vị tính: VND Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		98,337,000,543	7,039,459,515
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	98,261,141,284	7,039,459,515
- Nguyên giá	222		106,521,777,743	11,091,252,288
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(8,260,636,459)	(4,051,792,773)
2. Tài sản cố định thuộc tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		75,859,259	-
- Nguyên giá	228		77,000,000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(1,140,741)	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.09	113,560,911,026	67,767,860,308
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	753,018,669
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		113,560,911,026	67,014,841,639
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	157,308,133,524	197,818,036,971
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		157,504,278,995	197,818,036,971
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(196,145,471)	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		105,352,944,088	10,526,410,010
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11b	2,250,347,184	10,533,290,847
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		(54,577,096)	(6,880,837)
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		778,601,000	-
VII. Lợi thế thương mại	269	V.12	102,378,573,000	114,423,111,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,247,264,999,516	1,301,202,852,173

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017
(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Đơn vị tính: VND
				Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		475,157,228,550	568,996,498,531
I. Nợ ngắn hạn	310		356,157,741,131	492,635,602,571
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	216,165,509,223	321,032,788,699
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	53,726,873,959	100,961,030,450
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	25,370,890,037	23,180,120,201
4. Phải trả người lao động	314		789,612,140	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	5,200,000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HDXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		9,544,787,050	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	16,993,871,263	6,039,286,002
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	30,481,828,776	39,631,978,025
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3,084,368,683	1,785,199,194
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại Trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		118,999,487,419	76,360,895,960
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	118,999,487,419	76,360,895,960
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017
(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Đơn vị tính: VND
				Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		772,107,770,966	732,206,353,642
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	772,107,770,966	732,206,353,642
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		648,783,940,000	623,999,360,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(329,285,215)	(90,000,000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		262,959,345	262,959,345
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		4,767,758,141	2,602,475,660
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3,875,158,544	1,709,876,063
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		69,361,412,846	57,349,746,022
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		45,385,827,306	46,371,936,552
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,247,264,999,516	1,301,202,852,173

Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2017

Người lập biểu



Hoàng Thị Thêu

Kế toán trưởng



Trần Thị Thủy Liễu



Nguyễn Tiên Dũng

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND			
			Quý 3/2017	Quý 3/2016	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 3/2017	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 3/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	203,105,255,869	346,047,495,973	659,817,443,390	1,017,247,236,329
2. Các khoản giảm trừ	02		-	23,783,042,855	19,968,000	24,033,080,988
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		203,105,255,869	322,264,453,118	659,797,475,390	993,214,155,341
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	178,841,892,057	298,648,393,519	580,936,516,854	920,020,784,868
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		24,263,363,812	23,616,059,599	78,860,958,536	73,193,370,473
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	6,222,174,699	281,346,571	7,240,295,845	597,969,400
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4,343,714,242	520,335,170	12,175,122,420	848,239,669
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4,298,667,403	478,051,178	11,959,458,650	638,026,801
8. Lãi/lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(163,547,300)	(11,962,328)	(313,757,976)	(27,429,706)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.8	2,134,560,974	788,733,781	5,182,530,399	1,290,052,671
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	8,843,100,736	7,261,443,168	30,718,434,155	27,883,713,355
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		15,000,615,259	15,314,931,723	37,711,409,431	43,741,904,472
12. Thu nhập khác	31	VI.6	52,532,454	245,839,607	87,671,005	1,396,246,100
13. Chi phí khác	32	VI.7	276,551,796	555,586,115	1,004,438,143	684,747,159
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(224,019,342)	(309,746,508)	(916,767,138)	711,498,941
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		14,776,595,917	15,005,185,215	36,794,642,293	44,453,403,413

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN AMD GROUP
 Tầng 9, tòa nhà Suced, Số 108 Nguyễn Hoàng, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2017

16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V1.9	3,748,548,970	3,664,729,183	10,666,436,442	11,066,996,631
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-		
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		11,028,046,947	11,340,456,032	26,128,205,851	33,386,406,782
Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		228,336,254	292,943,882	762,632,805	736,416,631
Lợi nhuận sau thuế báo cáo hợp nhất	62		10,799,710,693	11,047,512,150	25,365,573,046	32,649,990,150
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V1.10				
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2017

Người lập biểu



Hoàng Thị Thêu

Kế toán trưởng



Trần Thị Thủy Liễu



NguyỄN THỊ HỒNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Theo phương pháp trực tiếp
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Quý 3/2017	Quý 3/2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		99,582,759,456	323,868,407,897
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(99,155,628,304)	(329,479,336,161)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(18,230,792,328)	(5,327,207,751)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(3,884,881,584)	(478,051,178)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(2,067,257,209)	(609,186,176)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		39,945,055,135	6,733,684,184
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(26,801,518,388)	(23,676,006,767)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(10,612,263,222)	(28,967,695,952)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1,490,198,000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		5,859,794,000	34,000,000,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(80,528,353,000)	(2,400,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		22,268,686,764	3,908,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(62,000,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	34,000,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		576,649,069	266,604,869
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(53,313,421,167)	7,774,604,869
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		19,770,427,860	27,081,292,940
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(22,506,764,286)	(625,450,000)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2,736,336,426)	26,455,842,940
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(66,662,020,815)	5,262,751,857
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.01	92,828,213,561	40,414,672,534

Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ 61

Tiền và tương đương tiền cuối kỳ 70 V.01 26,166,192,746 45,677,424,391

Người lập biểu

Hoàng Thị Thêu

Kế toán trưởng

Trần Thị Thủy Liễu

Hà Nội, ngày 29/10/2017 tháng 10 năm 2017

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tiến Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN AMD GROUP

Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý III năm 2017**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY****1. Hình thức sở hữu vốn**

của công ty mẹ : Công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất và Thương mại.**3. Hoạt động kinh doanh chính trong năm:** Sản xuất và buôn bán đá. Buôn bán thép.**4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:** 12 tháng.**5. Tổng số các công ty con :** 04

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 04

6. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
Viện Quản lý và Phát triển Châu á	Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội	59,48%
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đông Sơn	Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội	99,50%
Công ty Cổ phần AMD Smart	Số 15-BT1 Khu nhà ở Cầu Diễn, P.Cầu Diễn, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội	98,00%
Công ty Cổ phần AMD Khoáng Sản	Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, P.Mỹ Đình 2, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội	80,00%

7. Danh sách các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
Công ty Cổ phần Decohouse	Khu phố 03 Đồi, Thị trấn Yên Lạc, H.Yên Lạc, T.Vĩnh Phúc	40,00%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Pháp Việt	Tầng 3, Tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ - Phường Mỹ Đình 2 - Quận Nam Từ Liêm - Hà Nội.	44,77%
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Việt Bi	Tầng 3, Tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ - Phường Mỹ Đình 2 - Quận Nam Từ Liêm - Hà Nội.	34,83%
Công ty Cổ phần Đầu tư VIP ROYAL	Số 1, ngách 1/10 ngõ 1 phố Trần Quốc Hoàn, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội	36,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN AMD GROUP

Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất quý III năm 2017 gồm Báo cáo tài chính quý III năm 2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản AMD Group (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN AMD GROUP

Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN AMD GROUP

Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

7. Nguyên tắc kế toán tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	07 – 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 10 năm
Tài sản cố định khác	3 năm

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuế tài chính

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuế tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuế tài chính của doanh nghiệp.

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuế tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN AMD GROUP

Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

11. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm

12. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Nguyên tắc ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN AMD GROUP

Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NIẾT

Quý III năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2017.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN AMD GROUP

Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	6.461.469.246	31.043.475.800
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.004.723.500	30.123.970.911
Các khoản tương đương tiền		
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	<u>5.700.000.000</u>	-
Cộng	<u>26.166.192.746</u>	<u>61.167.446.711</u>

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến dưới 1 năm	<u>4.788.515.663</u>	<u>2.748.248.663</u>
Cộng	<u>4.788.515.663</u>	<u>2.748.248.663</u>

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các khách hàng	251.003.382.380	263.160.859.712
Công ty Cổ phần xây lắp công trình Việt Hàn	14.536.146.597	13.695.146.597
Công ty cổ phần công nghệ và thương mại ATC	5.932.938.000	-
Công ty Cổ phần Liên Doanh Đầu tư Quốc tế KLF	7.139.146.402	-
Công ty TNHH Newland Holdings Việt Nam	17.730.842.580	-
Công ty TNHH DT và XD Phương Đông	27.340.460.022	-
Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Quản Lý Sân GOLF BISCOM Tại Tỉnh Hạ Long	18.717.155.211	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Faros	24.758.583.560	5.287.363.167
Công ty TNHH Thiên Thuận Tường	20.544.230.099	10.162.563.230
Công ty TNHH MTV FLC Land	41.408.359.185	-
Công ty Cổ phần công nghệ và thương mại ATC	5.932.938.000	-
Công ty TNHH đầu tư và phát triển địa ốc Hai	-	7.420.140.000
Công ty Cổ phần thiết bị Năm Sao Việt	-	11.356.046.400
Công ty Cổ phần CN Quốc Gia	2.272.301.000	27.694.050.200
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng	-	162.777.820.800
Công ty TNHH Tư vấn và TCN CTECH Việt Nam	-	5.085.987.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Seo	44.599.167.306	-
Các khách hàng khác	20.091.114.418	19.681.742.318
Cộng	251.003.382.380	263.160.859.712

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN AMD GROUP

Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NILÁT

Quý III năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho người bán	118.556.422.261	193.567.573.715
Công ty Cổ phần Xây lắp công trình Việt Hàn	81.852.860.040	71.274.766.500
Công ty Cổ phần DGI	9.858.596.500	68.993.203.500
Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ AD&D Việt Nam	-	5.617.913.979
Công ty Cổ phần Đông Nam Á Việt Nam	9.000.000.000	5.088.110.000
Công ty Cổ phần INTOP	-	4.085.000.000
Công ty Cổ phần KBC Việt Nam	-	10.334.192.400
Các nhà cung cấp khác	17.844.965.721	28.174.387.336
Cộng	118.556.422.261	193.567.573.715

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	13.500.000.000	17.000.000.000
Cho Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Việt Bỉ vay (*)	13.500.000.000	17.000.000.000
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	58.259.666.236	21.950.000.000
Ông Nguyễn Văn Hương	26.500.000.000	-
Ông Bùi Trung Hiếu	21.759.666.236	-
Ông Nguyễn Minh Phương	10.000.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Quyên	-	2.450.000.000
Bà Bùi Thị Tuyết	-	12.500.000.000
Bà Lưu Thị Hải Yến	-	7.000.000.000
Cộng	71.759.666.236	38.950.000.000

(*) Theo hợp đồng vay tiền số 01/2016/HĐVT/AMD MINING - VIETBI ngày 29/06/2016, số tiền vay 17.000.000.000 VND, kỳ hạn vay: 1 năm, lãi suất: 1%/tháng; phụ lục hợp đồng số 1 ngày 01/07/2016 sửa đổi điều khoản lãi suất cho vay thành 1%/năm từ 01/07/2016, gốc và lãi nhận khi đáo hạn hợp đồng.

6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	30.931.821.917	-	30.000.000.000	-
Công ty Cổ phần TM và DV Việt Bỉ - Tiền lãi UTĐT	931.821.917	-	-	-
Hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần dịch vụ Pháp Việt (*)	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	123.010.726.158	-	96.266.883.402	-
Ký cược, ký quỹ	5.389.531.682	-	6.290.051.682	-
Tạm ứng	46.078.659.427	-	49.680.251.928	-
Nguyễn Thị Hương	14.700.286.000	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN AMD GROUP

Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Giang				
Bùi Thị Mỹ Hạnh	2.000.000.000			
Nguyễn Hữu Hoàng	4.000.000.000			
Nguyễn Đăng Tâm	6.500.000.000			
Ứng tiền mua cổ phiếu Vip Royal (**)	25.000.000.000		25.000.000.000	
Ứng tiền mua cổ phiếu Pink House(***)	4.442.371.783	-	15.000.000.000	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	14.899.877.266	-	296.579.792	
Cộng	153.942.548.075	-	126.266.883.402	-

(*) Khoản tiền hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần dịch vụ Pháp Việt theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 130616/2016/DONG SON-PHAP VIET ngày 13 tháng 6 năm 2016, hợp tác kinh doanh dự án Trung tâm thể thao Pháp Việt theo hình thức góp vốn. Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đông Sơn góp 51 tỷ, giai đoạn 1 góp 30 tỷ để tiến hành các thủ tục bồi thường giải phóng mặt bằng và triển khai xây dựng các hạng mục của Dự án. Sau khi hoàn thành các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước, lãi, hòa hoặc lỗ sẽ được phân chia theo tỷ lệ vốn góp thực tế của các bên tại hợp đồng này.

(**) Khoản tiền đặt cọc cho ông Bùi Trung Hiếu và ông Nguyễn Sỹ Thành để mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Vip Royal

(***) Là khoản đặt cọc cho Ông Nguyễn Văn Hương để mua lại Cổ phần của Ông Hương tại Công ty Cổ phần Pinkhouse Việt Nam theo hợp đồng đặt cọc số 1506/2016/HDDC ký ngày 15 tháng 6 năm 2016. Tổng giá trị đặt cọc là 15 tỷ đồng. Đến ngày 30 tháng 9 năm 2017, Ông Hương đã chuyển trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng Sản AMD GROUP 10.557.628.217 VND do chưa thực hiện được hợp đồng.

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Là khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với Trường Mầm non Ngôi nhà hoa hồng tại Hoàng Cầu có thời gian quá hạn trên 3 năm

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu, cho vay dài hạn	Cộng
Số đầu năm	294.000.000	-	294.000.000
Trích lập dự phòng bổ sung		-	
Số cuối kỳ	294.000.000	-	294.000.000

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	1.738.347.086	118.915.437
Công cụ, dụng cụ	52.880.000	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	32.290.859.073	11.246.711.395
Thành phẩm	2.597.132.051	-
Hàng hóa	39.708.685.561	133.695.852.252
Cộng	76.387.903.771	145.061.479.084

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN AMD GROUP

Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê văn phòng	222.265.455	47.431.178
Chi phí bảo hiểm	79.494.755	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.029.496.186	1.085.805.167
Cộng	<u>1.331.256.396</u>	<u>1.133.236.345</u>

10. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>62.000.000.000</i>	-	<i>62.000.000.000</i>	-
Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Việt Bi (úy thác đầu tư)	62.000.000.000	-	62.000.000.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>778.601.000</i>	-	<i>778.601.000</i>	-
Ký cược, ký quỹ	778.601.000	-	778.601.000	-
Cộng	<u>62.778.601.000</u>	-	<u>62.778.601.000</u>	-

11. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	3.405.677.273	6.759.856.833	728.354.546	197.363.636	11.091.252.288
Tăng trong kỳ do mua sắm mới	82.670.040.000	12.760.485.455	-	-	95.430.525.455
Số cuối kỳ	86.075.717.273	19.520.342.288	728.354.546	197.363.636	106.521.777.743
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	1.170.522.287	322.363.636	197.363.636	1.690.249.559
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	72.694.690	3.320.014.976	480.686.420	178.396.687	4.051.792.773
Khấu hao trong kỳ	3.333.733.171	746.328.622	109.814.944	18.966.949	4.208.843.686
Số cuối kỳ	3.406.427.861	4.066.343.598	590.501.364	197.363.636	8.260.636.459
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	3.332.982.583	3.439.841.857	247.668.126	18.966.949	7.039.459.515
Số cuối kỳ	82.669.289.412	15.453.998.690	137.853.182	-	98.261.141.284

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN AMD GROUP

Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**12. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Chương trình phần mềm	Tài sản vô hình khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	-	-	-	-	-
Tăng trong kỳ do mua sắm mới			77.000.000		77.000.000
Số cuối kỳ			77.000.000		77.000.000
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	-	-	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	-	1.140.741	-	1.140.741
Số cuối kỳ	-	-	1.140.741	-	1.140.741
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	-	-	75.859.259	-	75.859.259

13. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	1.520.281.818	753.018.669
Mua sắm tài sản cố định	1.520.281.818	-
<i>Mua sắm tài sản cho núi Bùn</i>	<i>1.520.281.818</i>	-
Xây dựng cơ bản dở dang	112.040.629.208	67.014.841.639
- <i>Chi phí đường dây và trạm biến áp xường Núi Bùn</i>	<i>38.892.982.254</i>	<i>1.488.091.000</i>
- <i>Chi phí XD Mỏ Núi Loáng</i>	<i>36.355.321.492</i>	<i>29.236.336.994</i>
- <i>Dự án xây dựng trung tâm đào tạo Xuân Phương</i>	<i>33.426.012.441</i>	<i>33.303.762.442</i>
- <i>Dại học tổng hợp Bắc Ninh: CP chung toàn dự án</i>	<i>2.911.813.021</i>	<i>2.911.813.021</i>
- <i>Chi phí Dự án Hà Lĩnh</i>	<i>454.500.000</i>	-
- <i>Dự án khác</i>	-	<i>74.838.182</i>
Cộng	113.560.911.026	67.767.860.308

14. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	157.504.278.995	157.504.278.995	197.818.036.971	197.818.036.971
Công ty Cổ phần Decohouse	39.845.504.158	39.845.504.158	39.836.285.921	39.836.285.921
Công ty Cổ phần Pháp Việt	44.962.621.645	44.962.621.645	44.956.746.087	44.956.746.087
Công ty Cổ phần Việt Bỉ	27.699.648.064	27.699.648.064	27.987.327.899	27.987.327.899
Công ty Cổ phần Vip Royal	44.996.505.128	44.996.505.128	44.995.607.566	44.995.607.566
Công ty Cổ phần Việt Hàn	-	-	40.042.069.498	40.042.069.498
Cộng	157.504.278.995	157.504.278.995	197.818.036.971	197.818.036.971

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN AMD GROUP

Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**15. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	2.167.607.051	1.071.239.618
Chi phí đầu tư cải tạo Công trình EBEST(*)	-	9.333.333.337
Các chi phí trả trước dài hạn khác	82.740.133	128.717.892
Cộng	<u>2.250.347.184</u>	<u>10.533.290.847</u>

16. Lợi thế thương mại

Là khoản lợi thế thương mại khi mua Công ty con (Viện Quản lý và Phát triển Châu Á). Chi tiết số phát sinh như sau:

Vốn gốc	17.843.760.000
Giá trị đầu tư	178.437.600.000
Lợi thế thương mại	160.593.840.000
Giá trị phân bổ lũy kế đến 31/12/2016	46.170.729.000
Giá trị phân bổ trong kỳ	12.044.538.000
Số dư tại 30/9/2017	<u>102.378.573.000</u>

17. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các nhà cung cấp	216.165.509.223	321.032.788.699
Công ty TNHH Tư vấn và Phát triển công nghệ CTECH Việt Nam	-	11.397.843.693
Công ty Cổ phần Xây lắp công trình Việt Hàn	-	2.750.000.000
Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng An Du	24.765.881.395	-
Công ty TNHH Đầu tư TM và XNK DAMEXCO	68.273.884.147	-
Công ty Cổ phần Địa Ốc Star Hà Nội	22.843.343.166	-
Công ty Cổ phần Liên doanh Đầu tư Quốc Tế KLF	32.480.692.694	-
Công ty Cổ phần KBG Việt Nam	5.039.407.551	5.039.407.551
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Phương Đông	13.613.038.360	-
Công ty Cổ phần Thép Việt Ý	-	256.293.507.184
Công ty Cổ phần thiết bị công nghệ ETS	2.558.387.000	2.558.387.000
Công ty TNHH Trung Hùng Việt Nam	4.367.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Faros	14.489.429.350	5.416.869.040
Các nhà cung cấp khác	27.734.445.560	37.576.774.231
Cộng	216.165.509.223	321.032.788.699

18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước của các khách hàng	53.726.873.959	100.961.030.450
Ban quản lý dự án EU Helth (EPOS)	-	9.661.902.358
Ban quản lý dự án EU Mutrap	-	2.324.655.923
Viện ứng dụng công nghệ	-	17.391.400.000
Viện khoa học vật liệu	-	9.752.900.000
Công ty Cổ phần thiết bị công nghệ ETS	-	8.460.208.671
Công ty Cổ phần Thương mại và dịch DTLS	-	7.148.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN AMD GROUP

Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Thương mại và Xây Dựng Quốc Thịnh	-	2.250.000.000
Công ty Cổ phần DGI	-	29.384.249.100
Công ty Cổ phần INTOP	-	3.085.000.000
Ban quản lý DA: "Quản lý tổng hợp tài nguyên nước Mê Công"	-	392.122.187
Công ty Cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu Phú Bình	2.062.450.000	-
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng An Bình - Thăng Long	768.692.600	268.692.600
Xí nghiệp 319.9 chi nhánh tổng công ty 319	2.226.000.000	-
Công Ty Cổ Phần Hóa Chất và Vật Tư Khoa Học Kỹ Thuật	4.500.000.000	-
Công ty TNHH Unieco Việt Nam	6.533.515.000	-
Công Ty Cổ Phần Tư vấn và Đầu tư Bông Sen Vàng	12.176.840.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC	5.126.983.825	-
Các khách hàng khác	20.332.392.534	10.841.399.611
Cộng	53.726.873.959	100.961.030.450

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.597.368.961	242.375.455	2.258.735.184	581.009.232
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.277.232.037	1.277.232.037	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	6.655.110	6.655.110	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	618.111.954	618.111.954	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.107.197.973	10.666.436.442	5.923.384.266	23.850.250.149
Thuế thu nhập cá nhân	807.177.076	1.219.633.162	1.150.241.574	876.568.664
Thuế tài nguyên	-	448.416.251	448.416.251	-
Các loại thuế khác	-	38.080.874	38.080.874	-
Phi, lệ phí và các khoản phải nộp khác	668.376.191	420.013.470	1.025.327.669	63.061.992
Cộng	23.180.120.201	14.936.954.755	12.746.184.919	25.370.890.037

20. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	68,312,920	-
Bảo hiểm y tế	15,840,796	-
Bảo hiểm thất nghiệp	6,871,722	-
Nhận ứng trước tiền chuyển nhượng Cổ phần (*)	6.000.000.000	6.000.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	10.902.845.825	39.286.002
Cộng	16.993.871.263	6.039.286.002

(*) Là khoản nhận ứng trước tiền chuyển nhượng Cổ phần theo hợp đồng chuyển nhượng Cổ phần số 2706/2016/HĐCN/DECOHOUSE ngày 27 tháng 06 năm 2016 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản AMD Group và Công ty Cổ phần Đầu tư Vip Royal. Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản AMD Group đồng ý chuyển nhượng 2.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Decohouse với mệnh giá 15.000 VND/cổ phần tương đương 30.000.000.000 VND chiếm 20% tổng số vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Decohouse.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN AMD GROUP

Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng	30.481.828.776	30.481.828.776	38.991.778.025	38.991.778.025
<i>Ngân hàng TM Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành</i>	<i>10.996.886.350</i>	<i>10.996.886.350</i>	<i>35.646.058.200</i>	<i>35.646.058.200</i>
<i>Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga</i>	<i>11.133.200.000</i>	<i>11.133.200.000</i>	-	-
<i>Ngân hàng Liên doanh Việt Nga- Hội sở chính</i>	<i>8.351.742.426</i>	<i>8.351.742.426</i>	-	-
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hà Nội</i>	-	-	<i>1.014.000.000</i>	<i>1.014.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng</i>	-	-	<i>1.486.719.825</i>	<i>1.486.719.825</i>
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hà Nội</i>	-	-	<i>845.000.000</i>	<i>845.000.000</i>
<i>Thuyền</i>	-	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	640.200.000	640.200.000
<i>Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng</i>	-	-	<i>100.200.000</i>	<i>100.200.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Hà Nội</i>	-	-	<i>540.000.000</i>	<i>540.000.000</i>
Cộng	30.481.828.776	30.481.828.776	39.631.978.025	39.631.978.025

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Kỳ này
Số đầu năm	1.785.199.194
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	1.299.169.489
Chi quỹ trong kỳ	-
Số cuối kỳ	3.084.368.683

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN AMD GROUP

Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**23. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng	112.999.487.419	112.999.487.419	70.360.895.960	70.360.895.960
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành</i>	<i>111.263.513.949</i>	<i>111.263.513.949</i>	<i>69.913.095.960</i>	<i>69.913.095.960</i>
<i>Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long</i>	<i>1.002.300.000</i>	<i>1.002.300.000</i>	-	-
<i>Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm</i>	<i>383.673.470</i>	<i>383.673.470</i>		
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội</i>	<i>350.000.000</i>	<i>350.000.000</i>		
<i>Ngân hàng TMCP Việt Nam thịnh vượng</i>	-	-	<i>232.800.000</i>	<i>232.800.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà nội</i>	-	-	<i>215.000.000</i>	<i>215.000.000</i>
Vay dài hạn các cá nhân	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Cộng	118.999.487.419	118.999.487.419	76.360.895.960	76.360.895.960

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN AMD GROUP

Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

24. Vốn chủ sở hữu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	300.000.000.000	-	262.959.345	1.785.199.194	892.599.597	40.441.529.311	15.656.285.111	359.038.572.558
Tăng vốn trong năm trước	323.999.360.000	-	-	-	-	-	-	323.999.360.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	42.518.308.855	-	42.518.308.855
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	(23.999.360.000)	-	-	(23.999.360.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	817.276.466	817.276.466	(1.634.552.932)	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	23.820.788	30.715.651.441	30.739.472.229
Giảm khác	-	(90.000.000)	-	-	-	-	-	(90.000.000)
Số dư cuối năm trước	623.999.360.000	(90.000.000)	262.959.345	2.602.475.660	1.709.876.063	57.349.746.022	46.371.936.552	732.206.353.642
Số dư đầu năm nay	623.999.360.000	(90.000.000)	262.959.345	2.602.475.660	1.709.876.063	57.349.746.022	46.371.936.552	732.206.353.642
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	24.784.580.000	-	-	-	-	-	-	24.784.580.000
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(239.285.215)	-	-	-	-	-	(239.285.215)
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	-	25.365.573.046	762.632.805	26.128.205.851
Trích lập các quỹ	-	-	-	2.165.282.481	2.165.282.481	(5.629.734.451)	-	(1.299.169.489)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	648.783.940.000	(329.285.215)	262.959.345	4.767.758.141	3.875.158.544	69.361.412.846	45.385.827.306	772.107.770.966

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN AMD GROUP

Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	64.878.394	62.399.936
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	64.878.394	62.399.936
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	64.878.394	62.399.936
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	64.878.394	62.399.936
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	64.878.394	62.399.936
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2017**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	659.817.443.390	1.017.247.236.329
Doanh thu bán hàng hóa	628.652.658.743	688.625.642.845
Doanh thu cung cấp dịch vụ	23.888.421.011	72.035.281.515
Doanh thu hợp đồng xây dựng	7.276.363.636	-
Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	256.586.311.969
Các khoản giảm trừ doanh thu	(19.968.000)	(24.033.080.988)
<i>Hàng bán trả lại</i>	<i>(19.968.000)</i>	<i>(24.033.080.988)</i>
Cộng	659.797.475.390	993.214.155.341

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	549.036.252.376	600.633.531.126
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	21.667.413.788	68.531.373.403
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	10.232.850.690	-
Giá vốn của hàng hóa bất động sản đã bán	-	250.855.880.339
Cộng	580.936.516.854	920.020.784.868

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN AMD GROUP

Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, cho vay, ủy thác đầu tư	2.356.732.836	321.467.252
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	133.563.009	264.862.395
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	181.296	-
Doanh thu tài chính khác	4.750.000.000	11.639.753
Cộng	7.240.295.845	597.969.400

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	11.959.458.650	638.026.801
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	215.663.770	-
Chi phí tài chính khác	-	210.212.868
Cộng	12.175.122.420	848.239.669

5. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Hàng đi kèm hợp đồng nhập khẩu không phải thanh toán tiền	14.635.140	-
Tiền bồi thường	9.680.683	-
Thu nhập kinh doanh siêu thị	1.532.380	-
Thu nhập khác	70.522.802	1.396.246.100
Cộng	87.671.005	1.396.246.100

6. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuê ngoài khảo sát địa hình	50.000.000	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	477.439.980	5.741.969
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	116.367	-
Chi ủng hộ, làm từ thiện	400.000.000	-
Chi phí khác	76.881.796	679.005.190
Cộng	1.004.438.143	684.747.159

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN AMD GROUP

Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Khoản tiền gửi kỳ hạn tại Ngân hàng Liên doanh Việt Nga - Phòng Giao dịch Yết Kiêu theo hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 3006/HDTG-AMD ngày 30 tháng 6 năm 2017, số tiền 4,5 tỷ đồng đang được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Liên doanh Việt Nga.

2. Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Sản xuất và buôn bán đá thành phẩm;
- Buôn bán hàng hóa;
- Cho thuê văn phòng, tổ chức hội thảo...;

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty là trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đón đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN AMD GROUP

Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

5. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

6. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP, số liệu so sánh cùng kỳ năm trước được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất quý III năm 2016.

Người lập biểu

Hoàng Thị Thêu

Kế toán trưởng

Trần Thị Thúy Liễu

Lập ngày 19 tháng 10 năm 2017

Tổng giám đốc



Nguyễn Tiến Dũng